ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 211 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2026

Căn cứ vào Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Thực hiện Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ phê duyệt đề án " Xác định Chỉ số Cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024-2026; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính (CCHC) năm 2026 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026 theo Chương trình, Kế hoạch của Trung ương và của tỉnh;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

- Góp phần cải thiện và nâng cao các chỉ số đánh giá kết quả quản trị, điều hành và CCHC của tỉnh, gồm: Chỉ số CCHC (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026 phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021–2030; bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Lào Cai;

- Xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện;

- Gắn thực hiện CCHC với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

- Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện CCHC; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại; lấy kết quả CCHC làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu;

- Bảo đảm sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện CCHC; tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh CCHC một cách toàn diện, đồng bộ; tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ và xây dựng chính quyền số, hướng tới xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa, công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định;

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn đạt trên 98%, hạn chế tối đa hồ sơ trễ hạn; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

- Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%; tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt tối thiểu 90%; tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 80%; tỉ lệ hồ sơ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%;

- Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 50%; tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%;

- Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%; tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 40%; tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập đạt tối thiểu 95%; Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế công lập đạt tối thiểu 90%.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn;

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, bảo đảm tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ kịp thời các VBQPPL không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân;

- Tăng cường việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong quá trình xây dựng VBQPPL; bảo đảm tính công khai, minh bạch và khả thi của văn bản;

- Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, gắn công tác xây dựng pháp luật với công tác tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành với Sở Tư pháp trong quá trình soạn thảo, thẩm định và tổ chức thi hành VBQPPL; bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật trên địa bàn tỉnh;

- Theo dõi, kiểm tra việc thi hành VBQPPL sau ban hành, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Nâng cao tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực chất, hiệu quả;

- Tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết hoàn toàn trên môi trường mạng, không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đẩy mạnh việc tái sử dụng dữ liệu số, giảm yêu cầu giấy tờ, thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp;

- Duy trì và nâng cao tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước áp dụng và vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 dưới dạng điện tử (ISO điện tử) trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính;

- Nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

- Góp phần thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn cải cách thủ tục hành chính với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Từng bước hoàn thiện mô hình chính quyền số của tỉnh, hướng tới nền hành chính không giấy tờ; hoạt động dựa trên dữ liệu số, quy trình điện tử và hệ thống kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ, thống nhất;

- Nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công vụ trong môi trường số;

- Duy trì và phấn đấu nâng cao các chỉ số đánh giá CCHC của tỉnh, bao gồm: Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương, quy định của Trung ương;

- Triển khai thực hiện phương án cắt giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2031 theo chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp theo quy định và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; làm cơ sở cho việc quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức;

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với tăng cường kiểm soát quyền lực, bảo đảm rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động của các cấp, các ngành;

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ;

- Theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kịp thời đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện chính quyền hai cấp ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;

- Thực hiện nghiêm việc xây dựng, phê duyệt và quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức gắn với biên chế được giao; làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng và tinh giản biên chế;

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và năng lực số, đáp ứng yêu cầu CCHC, chuyển đổi số;

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực chất, khách quan, công bằng; gắn kết quả đánh giá với việc sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách tiền lương theo quy định;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức, từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm kết nối, chia sẻ, phục vụ công tác quản lý, điều hành;

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; tạo động lực làm việc, khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính – ngân sách nhà nước, bảo đảm quản lý, sử dụng ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch;

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý ngân sách, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật;

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức; thực hiện sắp xếp, xử lý tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định;

- Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính công, nhất là công khai dự toán, quyết toán ngân sách; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý tài chính công, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý ngân sách, tài sản công, nâng cao hiệu quả điều hành tài chính – ngân sách.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số Việt Nam và của tỉnh Lào Cai;

- Phát triển, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh và với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tiến tới nền hành chính không giấy tờ;

- Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu số, trong đó tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công;

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, tổ chức, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh;

- Nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gắn với thanh toán trực tuyến, xác thực điện tử; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trong quá trình chuyển đổi số;

- Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ trực tiếp tham mưu, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trên môi trường số về thực hiện công tác CCHC, cải cách chế độ công vụ, công chức và công tác quản lý văn thư, lưu trữ tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã;

- Công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; trao thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm người đứng đầu: Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; triển khai CCHC đồng bộ, có trọng tâm, gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; lấy kết quả CCHC làm tiêu chí đánh giá, xếp loại hằng năm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2. Đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và thi hành pháp luật: Rà soát, hệ thống hóa, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, thiếu thống nhất, cản trở phát triển; Nâng cao chất lượng xây dựng và hậu kiểm văn bản; tăng cường theo dõi thi hành pháp luật, lấy phản ánh của người dân, doanh nghiệp làm căn cứ hoàn thiện chính sách.

3. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; tập trung vào các lĩnh vực đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân; Nâng cao hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công; đẩy mạnh giải quyết TTHC trực tuyến, phi địa giới hành chính; công khai, minh bạch và tiếp thu phản ánh, kiến nghị.

4. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; khắc phục chồng chéo, bảo đảm phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Gắn kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy với đánh giá trách nhiệm người đứng đầu; lấy hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ làm thước đo chủ yếu.

5. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Đổi mới quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ; thực hiện nghiêm đánh giá, xếp loại hằng năm; Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ; gắn đánh giá cán bộ với kết quả giải quyết TTHC và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

6. Thực hiện hiệu quả cải cách tài chính công: Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; gắn phân bổ ngân sách với kết quả thực hiện CCHC; Đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính – ngân sách.

7. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ tỉnh đến cơ sở; Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

8. Tăng cường theo dõi, đánh giá và thông tin, tuyên truyền về CCHC: Tăng cường theo dõi, đánh giá, kiểm tra CCHC; gắn kết quả thực hiện với PAR INDEX, SIPAS và các chỉ số đánh giá liên quan; Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền; phát huy vai trò giám sát của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Là cơ quan Thường trực CCHC của tỉnh, chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác CCHC.

Chủ trì đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC hằng năm; tham mưu hoàn thiện bộ chỉ số, giải pháp nâng cao PAR INDEX; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và phong trào thi đua CCHC trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp

Chủ trì tham mưu thực hiện cải cách thể chế; rà soát, hệ thống hóa, hậu kiểm văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật.

Phối hợp đơn giản hóa TTHC trong xây dựng chính sách; cung cấp kết quả cải cách thể chế phục vụ đánh giá Chỉ số CCHC; đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát TTHC; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

Đôn đốc số hóa, khai thác dữ liệu TTHC phục vụ chỉ đạo, điều hành; tham mưu chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị chậm triển khai nhiệm vụ CCHC.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu phát triển hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ chính quyền số, cải cách TTHC.

Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong quản lý nhà nước và CCHC.

5. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí, quản lý kinh phí thực hiện CCHC; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Tham mưu thực hiện cải cách tài chính công, cơ chế tự chủ; đẩy mạnh chuyển đổi số, công khai, minh bạch ngân sách phục vụ CCHC.

6. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương; bố trí nguồn lực, phân công trách nhiệm, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Thực hiện nghiêm giải quyết TTHC, chuyển đổi số, kỷ luật, kỷ cương hành chính; tự đánh giá, báo cáo kết quả CCHC định kỳ, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo.

Trên đây là kế hoạch công tác CCHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đề nghị các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, HCQT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hạnh Phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch Số: 211 KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
A	**MỤC TIÊU CỤ THỂ**				
1	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa, công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; Nội dung này cơ quan nào chủ trì, phối hợp và sản phẩm đầu ra; thời gian thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý I, Quý II	Danh mục TTHC; Quy trình giải quyết TTHC; Hệ thống thông tin công khai TTHC; Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa TTHC.
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn đạt trên 98%, hạn chế tối đa hồ sơ trễ hạn; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo thống kê tỷ lệ hồ sơ; Kế hoạch cải thiện quy trình; Quy trình nội bộ và hướng dẫn nâng cao chất lượng phục vụ hành chính
3	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%; tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt tối thiểu 90%; tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 80%; tỉ lệ hồ sơ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%;	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa 100%, áo cáo tỷ lệ sử dụng DVC trực tuyến; Báo cáo tổng hợp kết quả triển khai; Hướng dẫn, quy trình nội bộ về số hóa hồ sơ, giải quyết TTHC
4	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%;	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ tỷ lệ sử dụng lại dữ liệu, Quy trình hướng dẫn nội bộ về khai thác, số hoá thông tin dữ liệu
5	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%; Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%;	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt;
6	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 40%;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo tổng hợp

7	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Hệ thống Sổ sức khỏe điện tử, báo cáo tỷ lệ người dân đăng ký và sử dụng.
8	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước;
9	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập đạt tối thiểu 95%;	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công lập.
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế công lập đạt tối thiểu 90%;	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế công lập
B	**NHIỆM VỤ CỤ THỂ**				
I	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**				
1	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo rà soát, hệ thống hóa
2	Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, bảo đảm tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	VBQPPL được ban hành bảo đảm chất lượng
3	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ kịp thời các VBQPPL không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Các kiến nghị xử lý VBQPPL và hệ thống VBQPPL được hoàn thiện
4	Tăng cường việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong quá trình xây dựng VBQPPL; bảo đảm tính công khai, minh bạch và khả thi của văn bản;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo tiếp thu, giải trình và VBQPPL được ban hành
5	Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, gắn công tác xây dựng pháp luật với công tác tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch, báo cáo tổ chức thi hành pháp luật, tài liệu tuyên truyền…

6	Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành với Sở Tư pháp trong quá trình soạn thảo, thẩm định và tổ chức thi hành VBQPPL; bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật trên địa bàn tỉnh;	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản phối hợp, ý kiến thẩm định; báo cáo kiểm tra
7	Theo dõi, kiểm tra việc thi hành VBQPPL sau ban hành, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo theo dõi kiểm tra; các văn bản xử lý vướng mắc phát sinh
II	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**				
1	Nâng cao tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến thực chất, hiệu quả;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý I–IV/2026	Danh mục TTHC; BC kết quả triển khai dịch vụ công
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết hoàn toàn trên môi trường mạng, không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đẩy mạnh việc tái sử dụng dữ liệu số, giảm yêu cầu giấy tờ, thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo thống kê hồ sơ trực tuyến
3	Duy trì và nâng cao tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước áp dụng và vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 dưới dạng điện tử (ISO điện tử) trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Hệ thống quy trình ISO điện tử được chuẩn hóa, vận hành
4	Nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;	Văn phòng UBND	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá TTHC; báo cáo khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng (SIPAS)
5	Thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn cải cách thủ tục hành chính với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án sắp xếp tổ chức Bộ máy, Báo cáo đánh giá
6	Từng bước hoàn thiện mô hình chính quyền số của tỉnh, hướng tới nền hành chính không giấy tờ; hoạt động dựa trên dữ liệu số, quy trình điện tử và hệ thống kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ, thống nhất;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kết quả chuyển đổi số; báo cáo đánh giá mức độ hoàn thiện chính quyền số và tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử

7	Nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, nâng cao năng lực số, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công vụ trong môi trường số;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch, Báo cáo nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.
8	Nâng cao các chỉ số đánh giá CCHC của tỉnh, bao gồm: Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số chuyển đổi số (DTI).	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch; Báo cáo đánh giá;
III	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**				
1	Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương, quy định của Trung ương;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án, đề án rà soát, sắp xếp, kiện toàn
2	Triển khai thực hiện phương án cắt giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2031 theo chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch; Phương án cắt giảm biên chế
3	Phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp theo quy định và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; làm cơ sở cho việc quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án và quyết định phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp
4	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với tăng cường kiểm soát quyền lực, bảo đảm rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động của các cấp, các ngành;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Quyết định phân cấp, ủy quyền và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.
5	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót nhiệm vụ;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá hiệu quả phối hợp
6	Theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kịp thời đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện chính quyền hai cấp ở địa phương.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá tổ chức bộ máy
IV	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**				

1	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kết quả đánh giá CBCCVC
2	Thực hiện nghiêm việc xây dựng, phê duyệt và quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức gắn với biên chế được giao; làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng và tinh giản biên chế;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án và quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, chức
3	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và năng lực số, đáp ứng yêu cầu CCHC, chuyển đổi số;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã; Trường Chính trị tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch và chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC
4	Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực chất, khách quan, công bằng; gắn kết quả đánh giá với việc sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách tiền lương theo quy định;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Quy định, hướng dẫn đánh giá CBCCVC; báo cáo kết quả đánh giá CBCCVC
5	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử;	Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh; Các sở, ngành; UBND cấp xã	Quý II, IV	Kế hoạch, chương trình kiểm tra, thanh tra công vụ; báo cáo kết quả kiểm tra
6	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức, từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm kết nối, chia sẻ, phục vụ công tác quản lý, điều hành;	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Cơ sở dữ liệu CBCCVC; báo cáo kết quả triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý CBCCVC.
7	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; tạo động lực làm việc, khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCCVC; quyết định chi trả chế độ theo quy định.
V	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**				
1	Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính – ngân sách nhà nước, bảo đảm quản lý, sử dụng ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch;	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản hướng dẫn, báo cáo đánh giá tình hình quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

2	Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý ngân sách, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật;	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	văn bản hướng dẫn, báo cáo kết quả thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và cơ chế tự chủ tài chính.
3	Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Lào Cai;	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án, quyết định giao quyền tự chủ tài chính; báo cáo kết quả thực hiện
4	Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức; thực hiện sắp xếp, xử lý tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định;	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Phương án, quyết định sắp xếp, xử lý tài sản công; báo cáo kết quả quản lý,
5	Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính công, nhất là công khai dự toán, quyết toán ngân sách; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;	Sở Tài chính	Các sở, ngành; Kho bạc nhà nước; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo công khai ngân sách; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tài chính – ngân sách.
6	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý tài chính công, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý ngân sách, tài sản công, nâng cao hiệu quả điều hành tài chính – ngân sách.	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài chính công; báo cáo kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý tài chính công.
VI	**XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**				
1	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số Việt Nam và của tỉnh Lào Cai;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh được cập nhật; các hệ thống, nền tảng số được triển khai, vận hành ổn định.
2	Phát triển, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh và với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung; báo cáo kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu
3	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tiến tới nền hành chính không giấy tờ;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Hệ thống xử lý hồ sơ công việc điện tử; dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.

4	Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu số, trong đó tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; báo cáo kết quả kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu số
5	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, tổ chức, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh;	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Công an tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả triển khai giải pháp và tuyên truyền, đào tạo an toàn thông tin.
6	Nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gắn với thanh toán trực tuyến, xác thực điện tử; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trong quá trình chuyển đổi số;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; Công an tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả cải thiện chất lượng dịch vụ công.
7	Tổ chức kiểm tra, giám sát, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trên môi trường số về thực hiện công tác CCHC, cải cách chế độ công vụ, công chức và công tác quản lý văn thư, lưu trữ tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, số lượng cán bộ, công chức, viên chức đạt năng lực vận hành hệ thống số.
8	Công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; trao thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá, cải thiện DTI hằng năm; dữ liệu, kết quả CCHC gắn với chuyển đổi số.

./.